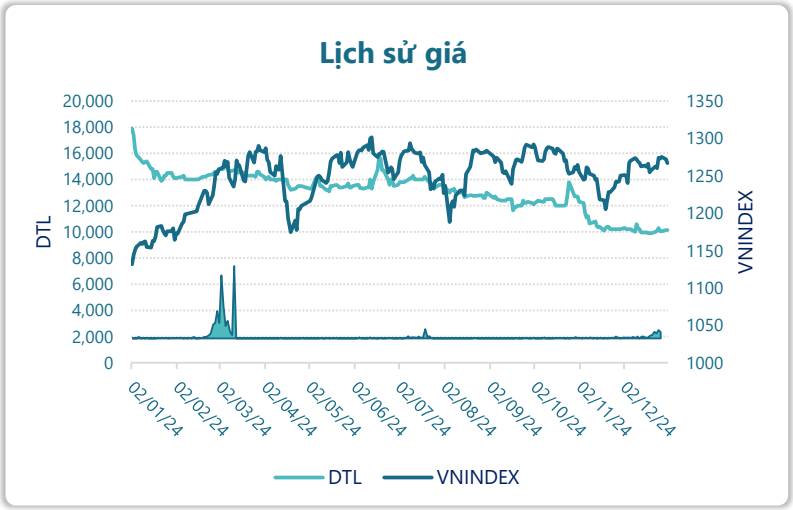
FireAnt

CTCP Đại Thiên Lộc (HSX: DTL)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,150**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,900
SL cổ phiếu LH	60,630,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	840
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	615
P/E	99.4
EPS	102

DT thuần

Q4/24

554

tỷ VNĐ

QoQ: ▼81.0| -12.7%

YoY: ▲ 78.0| 16.5%

LN sau thuế

Q4/24

0.91

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.04| 4.4%

YoY: ▲ 37.0| 103%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.9%

+/- YoY: ▲ 5.5%

DT thuần

2024

1,967

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.00| -0.2%

LN sau thuế

2024

6.19

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 162| 104%

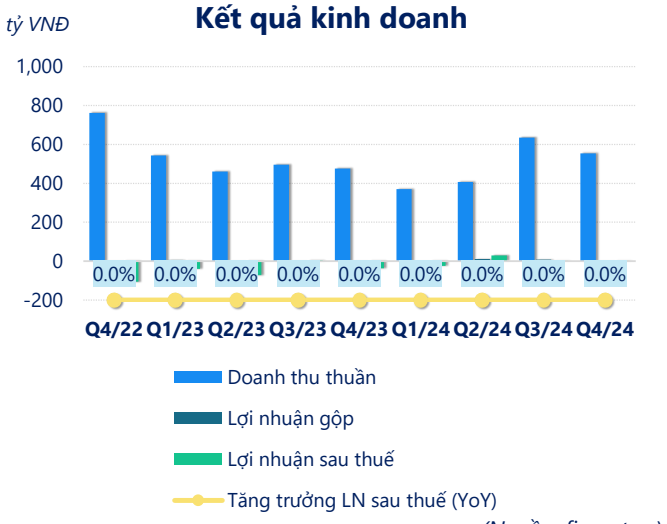
ROE

2024

0.8%

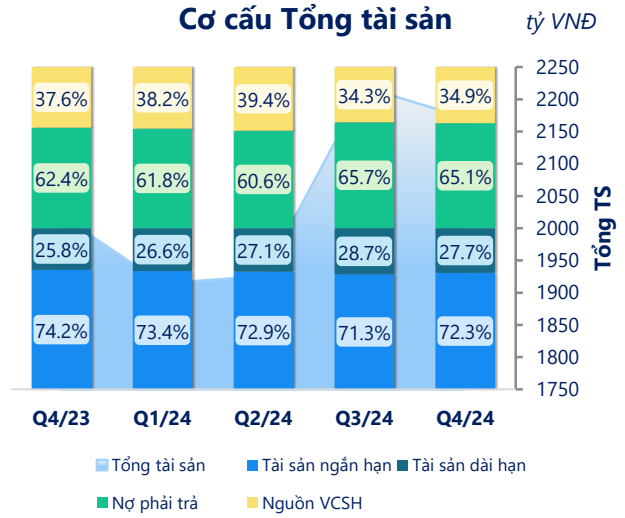
+/- YoY: ▲ 19.6%

Kết quả kinh doanh



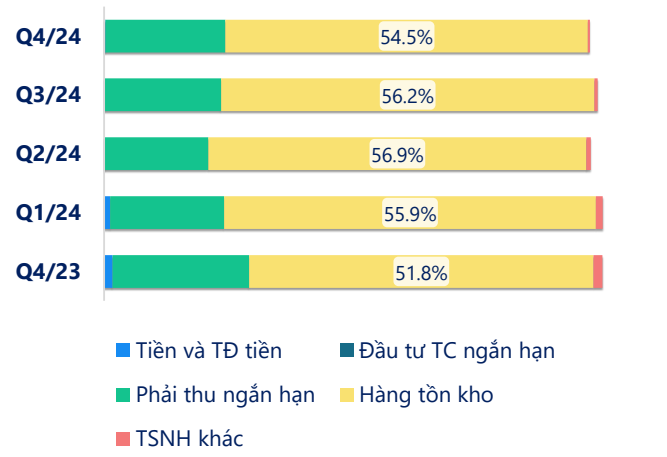
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



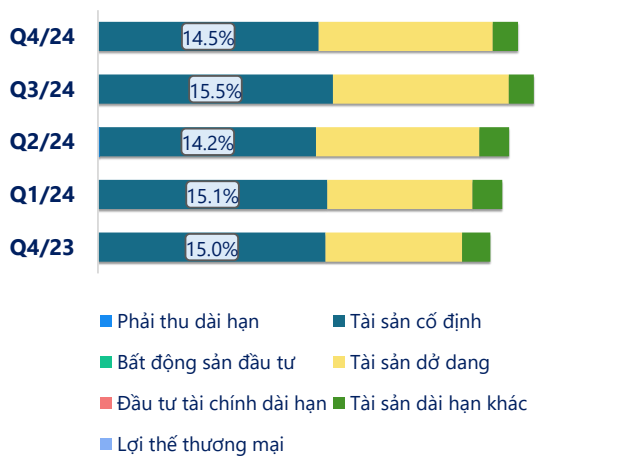
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



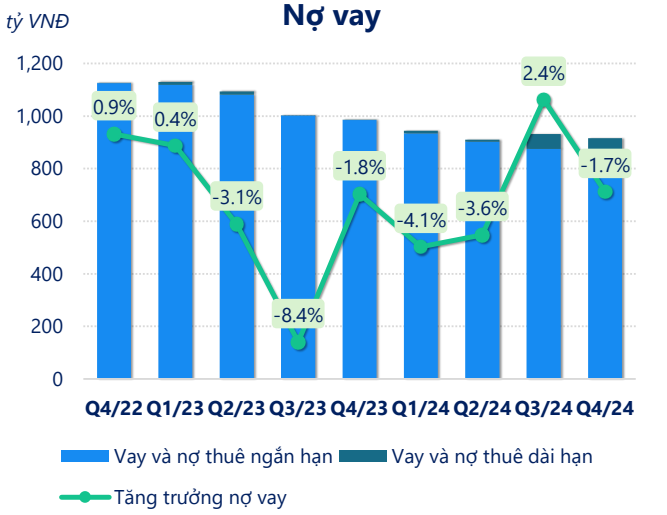
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



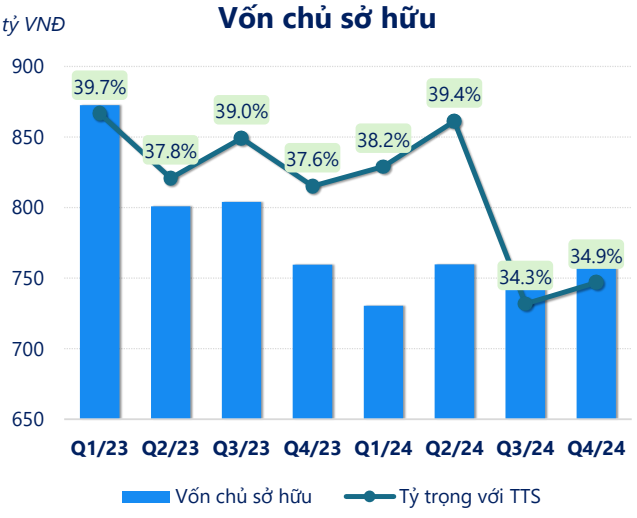
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



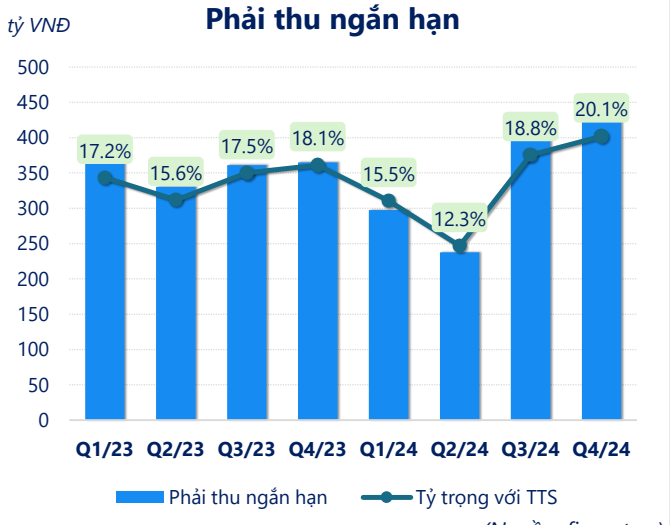
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



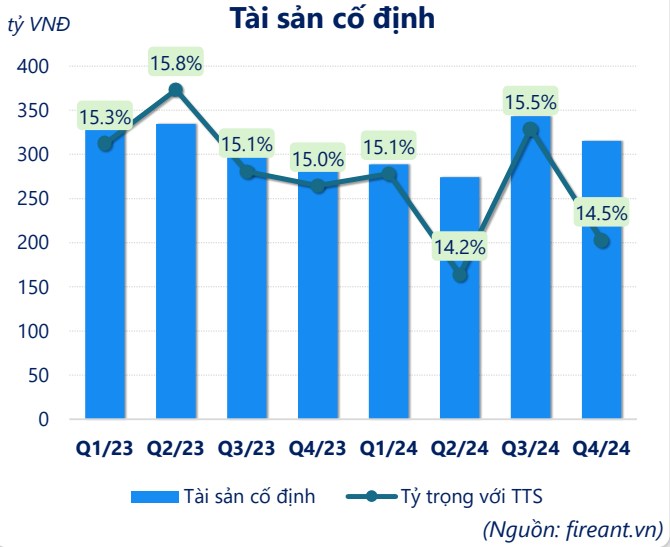
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



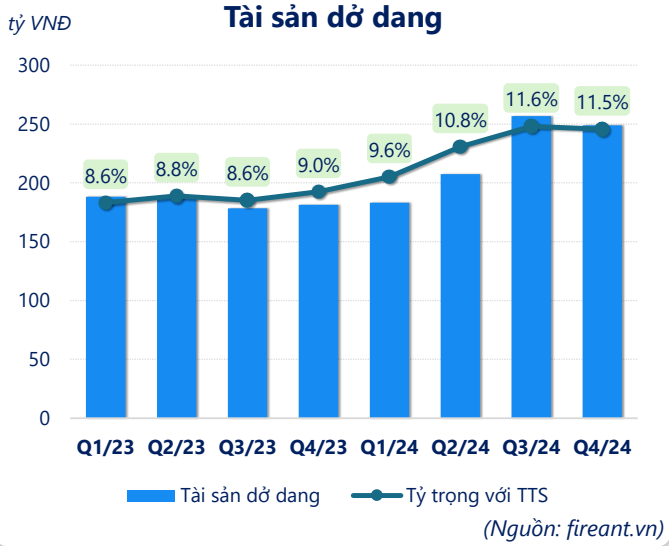
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



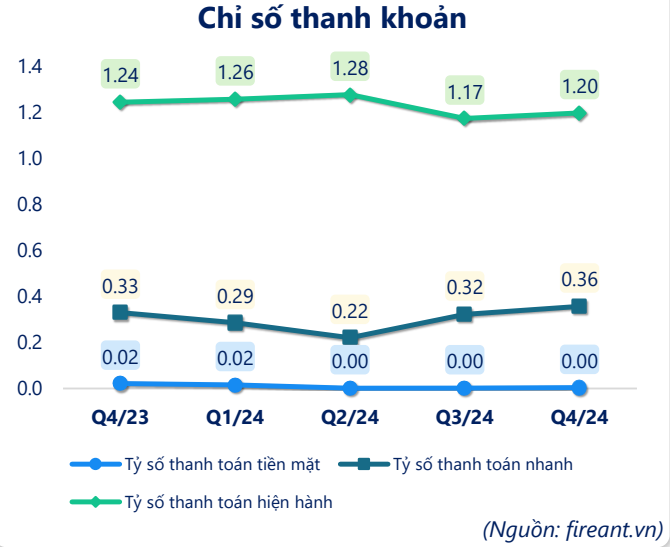
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



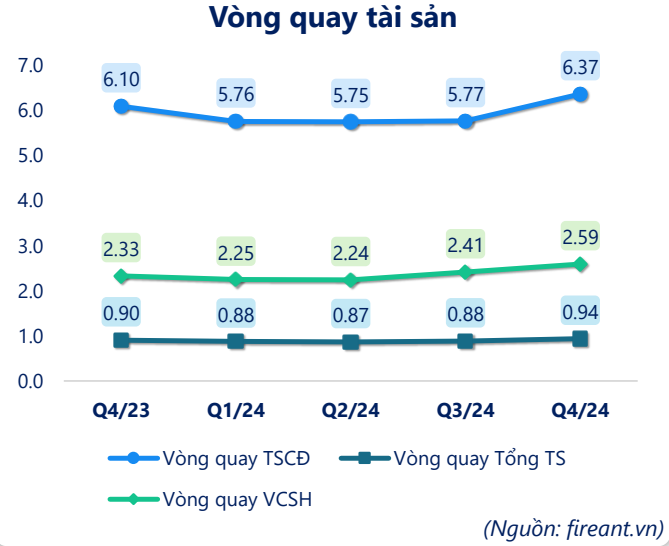
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**2,019**	**1,914**	**1,926**	**2,219**	**2,171**
Tài sản ngắn hạn	**1,498**	**1,405**	**1,405**	**1,582**	**1,571**
Tiền và tương đương tiền	25.9	17.5	1.89	2.23	4.26
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0.00	0	0
Phải thu ngắn hạn	365	297	238	417	436
Hàng tồn kho	1,101	1,086	1,162	1,148	1,103
Tài sản ngắn hạn khác	6.22	4.01	3.03	15.4	27.4
Tài sản dài hạn	**522**	**509**	**521**	**637**	**601**
Phải thu dài hạn	0	0	2.15	0	0
Tài sản cố định	303	289	274	343	315
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	181	183	207	257	249
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	37.7	37.4	37.5	36.7	36.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,260**	**1,184**	**1,166**	**1,459**	**1,414**
Nợ ngắn hạn	**1,203**	**1,117**	**1,100**	**1,348**	**1,311**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	984	934	903	875	868
Phải trả người bán ngắn hạn	158	96.3	149	390	333
Nợ dài hạn	56.7	66.3	66.5	111	103
Vay và nợ thuê dài hạn	0.02	9.69	6.91	56.2	47.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	**759**	**730**	**760**	**761**	**757**
Vốn chủ sở hữu	**759**	**730**	**760**	**761**	**757**
Vốn điều lệ	614	614	614	614	614
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)